

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày: 20-8-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Năm;
- Ông Trần Văn Lành

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Quốc Huỳnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2025/TB-TLVA ngày 15 tháng 04 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh năm: 1986 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N; địa chỉ: số D, quốc lộ A, phường C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cũ: số D, quốc lộ A, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: ông Võ Văn M, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1988; địa chỉ: số D, Quốc lộ A, phường C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cũ: số D, Quốc lộ A, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa về nội dung khởi kiện như sau:

Vào năm 2018, ông N có giao dịch mua bán thuốc thủy sản với vợ chồng ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1. Sau khi kết thúc việc mua bán, ông N có

cho ông M và bà T1 nợ số tiền là 99.433.000đ (chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng). Vợ chồng ông Võ Văn M hện trả nợ và thất hện rất nhiều lần. Ông N rất vất vả, khó khăn mới liên hệ được với ông Võ Văn M để yêu cầu trả nợ nhưng cũng không thu hồi số nợ. Ông N nhận thấy vợ chồng ông Võ Văn M không có thiện chí trả nợ cho ông N. Trong khi đó tình trạng kinh doanh của ông N gặp rất nhiều khó khăn do nguồn vốn kinh doanh phải vay ngân hàng, khi không thu hồi lại được từ khách hàng dẫn đến ông N không có khả năng trả lãi hàng tháng cho ngân hàng.

Ông N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả số nợ gốc là 99.433.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/03/2025 với lãi suất 7%/năm, tiền lãi là 35.961.000đ (ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi một ngàn đồng). Tổng nợ gốc và lãi là 135.394.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng). Ông N không yêu cầu tính lãi gì thêm.

Tại Bản tự khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là ông Võ Văn M như sau:

Ông Võ Văn M và vợ là bà Nguyễn Thị Bé T1 có mua thuốc thủy sản nuôi cá của ông Nguyễn Hoàng Thanh N. Ông M và bà Bé T1 có trả dần trong thời trước đây. Sau khi Toà án mời hoà giải thì ông M và bà Bé T1 có trả được số tiền 10.000.000 đồng. Ông M và bà bé T1 còn nợ số tiền gốc là 89.433.000 đồng. Hiện nay, ông M và bà T1 không có khả năng trả nhiều nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên liên quan là bà Nguyễn Thị Bé T1 trình bày: Bà T1 thống nhất trình bày của ông Võ Văn M. Hiện nay, ông M và bà T1 không có khả năng trả nhiều nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên liên quan là bà Lê Thị Kim T trình bày: bà T là vợ của ông N, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện do sau khi Toà án đã thụ lý vụ án thì ông M và bà Bé T1 có trả được 10.000.000 đồng. Do đó, ông N yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 89.433.000 đồng và tiền lãi là 26.723.000đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, về thời gian trả, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị trả dần số nợ gốc 1.000.000 đồng/tháng trước sau đó sẽ trả tiền lãi sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Hoàng Thanh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp về “Hợp đồng dân sự”, vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn cư trú tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay là ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh; hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên toà: tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 99.433.000 đồng và yêu cầu trả lãi, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/03/2025 với lãi suất 7%/năm, tiền lãi là 35.961.000 đồng. Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số nợ gốc là 89.433.000 đồng và tiền lãi là 26.723.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng Thanh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N yêu cầu bị đơn là ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả số tiền nợ gốc là 89.433.000 đồng và tiền lãi là 26.73.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là sổ theo dõi việc mua bán có ký nhận nợ của bị đơn là ông Võ Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé T1. Ông M và bà T1 đồng ý số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông N nhưng đề nghị được trả dần 1.000.000 đồng/tháng và trả nợ gốc trước, sau đó trả lãi sau. Ông N không đồng ý với đề nghị trả dần 1.000.000 đồng/tháng của ông M, bà T1 do số nợ phát sinh đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán giữa ông N với ông M, bà Bé T1 đã thực hiện từ năm 2018, tổng kết số tiền nợ với số tiền nợ là 117.433.000 đồng vào ngày 07/12/2019 và không tiếp tục mua bán kể từ thời gian này. Các đương sự trình bày thống nhất khi mua bán thoả thuận thời gian trả là khi kết thúc vụ nuôi cá. Tuy nhiên, phía ông M và bà T1 chậm thanh toán, kéo dài thời gian trả nợ và chỉ trả dần được 01 số lần như sau: ngày 31/8/2022 ông M, bà T1 trả được 6.000.000 đồng; ngày 16/01/2023 trả được 5.000.000 đồng; ngày 25/01/2024 trả được 7.000.000 đồng; hứa ngày 20/01/2025 trả 10.000.000 đồng nhưng đến ngày 27/4/2025 mới trả 10.000.000 đồng. Như vậy, việc kéo dài thời gian trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu ông M và bà Bé T1 có nghĩa vụ trả nợ

gốc và lãi là có căn cứ. Hiện nay, các đương sự thoả thuận được với nhau về số nợ nhưng không thoả thuận được thời gian trả. Do đó, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ cơ quan thi hành án để thực hiện quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 4, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Thanh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N.

Buộc ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Hoàng Thanh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N số tiền nợ gốc là 89.433.000đ (tám mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi là 26.723.000đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 116.156.000đ (một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Nguyễn Hoàng Thanh N – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Hoàng Thanh N không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.385.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003897, ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh; hiện nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh.

3.2. Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 5.807.800đ (năm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án khu vực 2 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA